



Người ký: Vũ Thị Thắm  
Ngày ký: 03/07/2020 16:15:49  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: KBNN Tân Bình - TP Hồ Chí Minh  
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1  
Ký hiệu C2-02a/NS  
Số: 43/NQ03/  
200701\_1048792\_0122002  
Năm NS: 2020

## GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Trường Mầm Non 9

Tài khoản: 9523.3.1048792

Tại KBNN: KBNN Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

| Nội dung thanh toán                                                                                 | Mã NDKT | Mã chương | Mã ngành KT | Mã nguồn NSNN | Số tiền     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|-------------|---------------|-------------|
| (1)                                                                                                 | (2)     | (3)       | (4)         | (5)           | (6)         |
| Chuyển tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm theo nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/03/2018 quý 1/2020 | 6449    | 622       | 071         | 14            | 248.906.495 |
| Tổng cộng                                                                                           |         |           |             |               | 248.906.495 |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu chín trăm linh sáu nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Phải trả chi lương trường Mầm non 9 Q.Tân Bình

Địa chỉ: 730/7 Lạc Long Quân Phường 9 quận Tân Bình

Tài khoản: 083008410290001

Tại KBNN (NH): Đông Á PGD Lý Thường Kiệt

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

### PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:  
Có TK:  
Nợ TK:  
Có TK:  
Nợ TK:  
Có TK:  
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 01 tháng 07 năm 2020

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Hồng Tâm  
Ngày ký: 01/07/2020 10:05:50  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: Trường Mầm Non 9

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Lâm Thị Mộng Trinh  
Ngày ký: 01/07/2020 10:20:41  
Chức danh: Chủ tài khoản  
Đơn vị: Trường Mầm Non 9

Lâm Thị Mộng Trinh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 02 tháng 07 năm 2020

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Huỳnh Thị Thanh  
Ngày ký: 02/07/2020 13:14:08  
Chức danh: Phó giám đốc  
Đơn vị: KBNN Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Huỳnh Thị Thanh

DANH SÁCH LÃNH TIỀN TẮNG THU NHẬP  
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND QUÝ 1/2020

Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng

| STT | Họ và tên              | Hệ số lương của CBCCVC hưởng thu nhập tăng thêm |                     |                     | Hệ số điều chỉnh TN T1 | Hệ số điều chỉnh TN T2 | Hệ số điều chỉnh TN T3 | Số ngày đi làm Tháng 1 | Số ngày đi làm Tháng 2 | Số ngày đi làm Tháng 3 | Số ngày đi làm Tháng 1/2020 | Số ngày đi làm Tháng 2/2020 | Số tiền lãnh Tháng 1/2020 | Số tiền lãnh Tháng 2/2020 | Số tiền lãnh Tháng 3/2020 | Tổng tiền qui 1/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ             |                  |                                  | Ghi chú       |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------|------------------|----------------------------------|---------------|
|     |                        | Tổng hệ số lương T1                             | Tổng hệ số lương T2 | Tổng hệ số lương T3 |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                             |                             |                           |                           |                           |                      | Thành tích                   | Tỷ lệ hướn g TNT | Số tiền tăng thu nhập Quý 3/2019 |               |
| A   | B                      |                                                 |                     |                     |                        |                        |                        |                        | 8                      |                        | 9                           |                             | 10                        |                           |                           | 11                   | 12                           | 13               | 14-7x9                           | 15            |
|     | Tổng cộng              | 111,898                                         | 112,048             | 112,808             |                        |                        |                        | 23                     | 20                     | 22                     |                             |                             | 111.146.332               | 111.287.921               | 69.976.425                | 292.410.679          |                              |                  | 248.906.495                      |               |
| 1   | Lâm Thị Mộng Trinh     | 6,03                                            | 6,03                | 6,03                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 22                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 5.388.853                 | 5.388.853                 | 16.166.560           | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 16.166.560                       |               |
| 2   | Nguyễn Thị Sánh        | 5,00                                            | 5,00                | 5,00                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 18                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 4.470.000                 | 4.470.000                 | 12.597.273           | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 12.597.273                       |               |
| 3   | Nguyễn Thị Giang Thanh | 3,68                                            | 3,68                | 3,68                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 20                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.289.920                 | 3.289.920                 | 9.570.676            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 7.656.541                        |               |
| 4   | Phạm Thị Hồng Vân      | 4,65                                            | 4,65                | 4,65                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 4.157.100                 | 4.157.100                 | 10.581.709           | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 8.465.367                        |               |
| 5   | Hoàng Thị Thanh Bút    | 4,19                                            | 4,19                | 4,19                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 14                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.745.860                 | 3.745.860                 | 9.875.449            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 7.900.359                        |               |
| 6   | Ngô Hoàng Uyên Mí      | 3,66                                            | 3,66                | 3,66                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.272.040                 | 3.272.040                 | 8.477.558            | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 8.477.558                        |               |
| 7   | Dương Thị Ngọc         | 3,53                                            | 3,53                | 3,53                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 14                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.155.820                 | 3.155.820                 | 8.319.889            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.655.911                        |               |
| 8   | Trần Thị Lệ Xuân       | 3,20                                            | 3,20                | 3,20                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.814.400                 | 3.814.400                 | 9.882.764            | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 9.882.764                        |               |
| 9   | Nguyễn Thị Ngọc Thu    | 3,00                                            | 3,00                | 3,33                | 0,8                    | 0,8                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 14                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.576.000                 | 3.576.000                 | 9.046.467            | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 9.046.467                        | năng lương T3 |
| 10  | Giang Thị Ngọc Thanh   | 3,00                                            | 3,00                | 3,00                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 9                      | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.576.000                 | 3.576.000                 | 8.614.909            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.891.927                        |               |
| 11  | Đoàn Hoài Nam          | 2,67                                            | 2,67                | 2,67                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.182.640                 | 3.182.640                 | 8.101.265            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.481.012                        |               |
| 12  | Lê Thủy Anh Đào        | 3,34                                            | 3,34                | 3,34                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.985.960                 | 2.985.960                 | 7.736.351            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.189.081                        |               |
| 13  | Đàm Thị Ngọc Loan      | 3,34                                            | 3,34                | 3,34                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 11                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.985.960                 | 2.985.960                 | 7.464.900            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 5.971.920                        |               |
| 14  | Phan Thị Kim Loan      | 3,34                                            | 3,34                | 3,34                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.985.960                 | 2.985.960                 | 7.736.351            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.189.081                        |               |
| 15  | Đào Khánh Phụng        | 3,34                                            | 3,34                | 3,34                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.985.960                 | 2.985.960                 | 7.600.625            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.080.500                        |               |
| 16  | Phạm Thị Nguyên Thủy   | 3,03                                            | 3,03                | 3,03                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.708.820                 | 2.708.820                 | 6.895.178            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 5.516.143                        |               |
| 17  | Nguyễn Thị Châu Thanh  | 3,23                                            | 3,23                | 3,23                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.887.620                 | 2.887.620                 | 7.481.561            | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 7.481.561                        |               |
| 18  | Nguyễn Thị Thu Thủy    | 3,03                                            | 3,03                | 3,03                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.708.820                 | 2.708.820                 | 7.018.306            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 5.614.645                        |               |
| 19  | Trần Thị Kiều          | 3,03                                            | 3,03                | 3,03                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.708.820                 | 2.708.820                 | 7.018.306            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 5.614.645                        |               |
| 20  | Nguyễn Xuân Thanh Thảo | 2,72                                            | 2,72                | 2,72                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.242.240                 | 3.242.240                 | 8.252.975            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.602.380                        |               |
| 21  | Nguyễn Thị Hộ          | 2,72                                            | 2,72                | 2,72                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 19                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.242.240                 | 3.080.128                 | 8.238.237            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.590.590                        |               |
| 22  | Nguyễn Thị Thủy Trang  | 3,26                                            | 3,26                | 3,26                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.914.440                 | 2.914.440                 | 7.551.049            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.040.839                        |               |
| 23  | Lê Thị Thu Dung        | 2,66                                            | 2,66                | 2,72                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.170.720                 | 3.170.720                 | 8.109.935            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.487.948                        | năng ngạch T3 |
| 24  | Sư Thị Ngọc Châu       | 2,66                                            | 2,66                | 2,72                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 14                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.170.720                 | 3.170.720                 | 8.404.684            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 6.723.747                        | năng ngạch T3 |
| 25  | Phạm Kim Hiền          | 2,26                                            | 2,41                | 2,41                | 0,8                    | 0,8                    | 0,8                    | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 2.693.920                 | 2.872.720                 | 7.264.156            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 5.811.325                        | năng ngạch T2 |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | 4,19                                            | 4,19                | 4,19                | 0,6                    | 0,6                    | 0,6                    | 23                     | 20                     | 22                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                    | 3.745.860                 | 3.745.860                 | 11.237.580           | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 11.237.580                       |               |

| STT | Họ và tên            | SỐ TIỀN             |                     |                     | Hệ điều chỉnh TN tăng thêm T1 | Hệ điều chỉnh TN tăng thêm T2 | Hệ điều chỉnh TN tăng thêm T3 | Số ngày đi làm Tháng 1 | Số ngày đi làm Tháng 2 | Số ngày đi làm Tháng 3 | Số ngày đi làm Tháng 1/2020 | Số ngày đi làm Tháng 2/2020 | Số ngày đi làm Tháng 3/2020 | Số tiền lãnh Tháng 1/2020 | Số tiền lãnh Tháng 2/2020 | Số tiền lãnh Tháng 3/2020 | Tổng tiền quý 1/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ             |                    | Số tiền tăng thu nhập Quý 3/2019 | Ghi chú       |
|-----|----------------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------|--------------------|----------------------------------|---------------|
|     |                      | Hệ số lương của     |                     |                     |                               |                               |                               |                        |                        |                        |                             |                             |                             |                           |                           |                           |                      | Thành tích                   | Tỷ lệ hướn g TNT T |                                  |               |
|     |                      | Tổng hệ số lương T1 | Tổng hệ số lương T2 | Tổng hệ số lương T3 |                               |                               |                               |                        |                        |                        |                             |                             |                             |                           |                           |                           |                      |                              |                    |                                  |               |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng Tâm  | 4,19                | 4,19                | 4,19                | 0,6                           | 0,6                           | 0,6                           | 23                     | 20                     | 22                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 3.745.860                 | 3.745.860                 | 3.745.860                 | 11.237.580           | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%               | 11.237.580                       |               |
| 27  | Trần Thị Hà          | 2,41                | 2,41                | 2,41                | 0,8                           | 0,8                           | 0,8                           | 22                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.747.819                 | 2.872.720                 | 1.566.938                 | 7.187.477            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 5.749.982                        |               |
| 28  | Võ Thị Mỹ Linh       | 2,41                | 2,41                | 2,41                | 0,8                           | 0,8                           | 0,8                           | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.872.720                 | 2.872.720                 | 1.697.516                 | 7.442.956            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 5.954.365                        |               |
| 29  | Trần Thị Thanh Thảo  | 2,41                | 2,41                | 2,41                | 0,8                           | 0,8                           | 0,8                           | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.872.720                 | 2.872.720                 | 1.566.938                 | 7.312.378            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 5.849.903                        |               |
| 30  | Đào Vũ Uyên Duy      | 3,34                | 3,34                | 3,65                | 0,6                           | 0,6                           | 0,6                           | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.985.960                 | 2.985.960                 | 1.928.195                 | 7.900.115            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 6.320.092                        | năng lương T3 |
| 31  | Hoàng Thị Bạch Ly    | 3,66                | 3,66                | 3,66                | 0,6                           | 0,6                           | 0,6                           | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 3.272.040                 | 3.272.040                 | 1.933.478                 | 8.477.558            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 6.782.047                        |               |
| 32  | Nguyễn Thị Mỹ Hiền   | 3,33                | 3,33                | 3,33                | 0,6                           | 0,6                           | 0,6                           | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.977.020                 | 2.977.020                 | 1.759.148                 | 7.713.188            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 6.170.551                        |               |
| 33  | Nguyễn Song Hà Ny    | 1,86                | 1,86                | 1,86                | 0,8                           | 0,8                           | 0,8                           | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.217.120                 | 2.217.120                 | 1.310.116                 | 5.744.356            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 4.595.485                        |               |
| 34  | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 1,86                | 1,86                | 1,86                | 0,8                           | 0,8                           | 0,8                           | 23                     | 20                     | 13                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.217.120                 | 2.217.120                 | 1.310.116                 | 5.744.356            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 4.595.485                        |               |
| 35  | Nguyễn Thị Minh Thư  | 1,86                | 1,86                | 1,86                | 0,8                           | 0,8                           | 0,8                           | 23                     | 20                     | 12                     | 64.783                      | 74.500                      | 67.727                      | 2.217.120                 | 2.217.120                 | 1.209.338                 | 5.643.578            | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%                | 4.514.863                        |               |
|     | TỔNG CỘNG            |                     |                     |                     |                               |                               |                               |                        |                        |                        |                             |                             |                             | 111.146.332               | 111.287.921               | 69.976.425                | 292.410.679          | 0                            |                    | 248.906.495                      |               |

Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm chín mươi lăm đồng.

KẾ TOÁN

*[Signature]*

Ngày 23 tháng 06 năm 2020

**HỘI TRƯỞNG**

**TRƯỜNG MẦM NON 9**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN**

**T.P. HỒ CHÍ MINH**

*[Signature]*

**Lâm Thị Mộng Trinh**

## DANH SÁCH LÃNH TIỀN TĂNG THU NHẬP THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND Tháng 1/2020

Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng

| STT | Họ và tên              | SỐ TIỀN               |             |            |            |                   | Số ngày đi làm Tháng 1/2020 | Số tiền 1 ngày T1 23 ngày | Tổng số tiền lãnh Tháng 1/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ             |        |            | Số tiền tăng thu nhập tháng 1/2020 | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------|-------------|------------|------------|-------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------|------------|------------------------------------|---------|
|     |                        | Hệ số lương của CBCCV |             |            | Thành tích | Tỷ lệ hưởng TN/TT |                             |                           |                                |                              |        |            |                                    |         |
|     |                        | Tổng hệ số lương      | Trong đó    |            |            |                   |                             |                           |                                |                              |        |            |                                    |         |
|     |                        |                       | Hệ số lương | PC chức vụ |            |                   |                             |                           |                                | PC vượt khung                |        |            |                                    |         |
| A   | B                      | I=2+3+4               | 2           | 3          | 4          | 6                 |                             | 11                        | 12                             | 13                           | 14=7x9 | 15         |                                    |         |
|     | Tổng cộng              | 111,898               | 109,150     | 2,20       | 548        |                   | 23                          | 111.146.332               |                                |                              |        | 94.348.021 |                                    |         |
| 1   | Lâm Thị Mộng Trinh     | 6,028                 | 4,980       | 0,50       | 0,548      | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 5.388.853                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%   | 5.388.853  |                                    |         |
| 2   | Nguyễn Thị Sánh        | 5,000                 | 4,650       | 0,35       |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 4.470.000                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%   | 4.470.000  |                                    |         |
| 3   | Nguyễn Thị Giang Thanh | 3,680                 | 3,330       | 0,35       |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 3.289.920                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.631.936  |                                    |         |
| 4   | Phạm Thị Hồng Vân      | 4,650                 | 4,650       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 4.157.100                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 3.325.680  |                                    |         |
| 5   | Hoàng Thị Thanh Bút    | 4,190                 | 3,990       | 0,20       |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 3.745.860                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.996.688  |                                    |         |
| 6   | Ngô Hoàng Uyên Mì      | 3,660                 | 3,660       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 3.272.040                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%   | 3.272.040  |                                    |         |
| 7   | Dương Thị Ngọc         | 3,530                 | 3,330       | 0,20       |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 3.155.820                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.524.656  |                                    |         |
| 8   | Trần Thị Lệ Xuân       | 3,200                 | 3,000       | 0,20       |            | 0,8               | 23                          | 64.783                    | 3.814.400                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%   | 3.814.400  |                                    |         |
| 9   | Nguyễn Thị Ngọc Thu    | 3,000                 | 3,000       |            |            | 0,8               | 23                          | 64.783                    | 3.576.000                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%   | 3.576.000  |                                    |         |
| 10  | Giang Thị Ngọc Thanh   | 3,000                 | 3,000       |            |            | 0,8               | 23                          | 64.783                    | 3.576.000                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.860.800  |                                    |         |
| 11  | Đoàn Hoài Nam          | 2,670                 | 2,670       |            |            | 0,8               | 23                          | 64.783                    | 3.182.640                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.546.112  |                                    |         |
| 12  | Lê Thụy Anh Đào        | 3,340                 | 3,340       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.985.960                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.388.768  |                                    |         |
| 13  | Đàm Thị Ngọc Loan      | 3,340                 | 3,340       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.985.960                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.388.768  |                                    |         |
| 14  | Phan Thị Kim Loan      | 3,340                 | 3,340       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.985.960                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.388.768  |                                    |         |
| 15  | Đào Khánh Phụng        | 3,340                 | 3,340       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.985.960                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.388.768  |                                    |         |
| 16  | Phạm Thị Nguyên Thùy   | 3,030                 | 3,030       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.708.820                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.167.056  |                                    |         |
| 17  | Nguyễn Thị Châu Thanh  | 3,230                 | 3,030       | 0,20       |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.887.620                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%   | 2.887.620  |                                    |         |
| 18  | Nguyễn Thị Thu Thủy    | 3,030                 | 3,030       |            |            | 0,6               | 23                          | 64.783                    | 2.708.820                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%    | 2.167.056  |                                    |         |

| STT | Họ và tên              | SỐ TIỀN                |             |            |          |     | Hệ số điều chỉnh TN tăng thêm | Số ngày đi làm Tháng 1/2020 | Số tiền 1 ngày T1 23 ngày | Tổng số tiền lãnh Tháng 1/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ |                   | Số tiền tăng thu nhập tháng 1/2020 | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------|-------------|------------|----------|-----|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------|-------------------|------------------------------------|---------|
|     |                        | Hệ số lương của CBCCVC |             |            | Trong đó |     |                               |                             |                           |                                | Thành tích       | Tỷ lệ hưởng TN TT |                                    |         |
|     |                        | Tổng hệ số lương       | Hệ số lương | PC chức vụ |          |     |                               |                             |                           |                                |                  |                   |                                    |         |
|     |                        |                        |             |            |          |     |                               |                             |                           |                                |                  |                   |                                    |         |
| 19  | Trần Thị Kiều          | 3,030                  | 3,030       |            |          | 0,6 | 23                            | 64.783                      | 2.708.820                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.167.056         |                                    |         |
| 20  | Nguyễn Xuân Thanh Thảo | 2,720                  | 2,720       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 3.242.240                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.593.792         |                                    |         |
| 21  | Nguyễn Thị Hộ          | 2,720                  | 2,720       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 3.242.240                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.593.792         |                                    |         |
| 22  | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 3,260                  | 3,260       |            |          | 0,6 | 23                            | 64.783                      | 2.914.440                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.331.552         |                                    |         |
| 23  | Lê Thị Thu Dung        | 2,660                  | 2,660       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 3.170.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.536.576         |                                    |         |
| 24  | Sử Thị Ngọc Châu       | 2,660                  | 2,660       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 3.170.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.536.576         |                                    |         |
| 25  | Phạm Kim Hiền          | 2,260                  | 2,260       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 2.693.920                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.155.136         |                                    |         |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | 4,190                  | 3,990       | 0,20       |          | 0,6 | 23                            | 64.783                      | 3.745.860                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 3.745.860         |                                    |         |
| 27  | Trần Thị Hà            | 2,410                  | 2,410       |            |          | 0,8 | 22                            | 64.783                      | 2.747.819                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.198.255         |                                    |         |
| 28  | Võ Thị Mỹ Linh         | 2,410                  | 2,410       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 2.872.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.298.176         |                                    |         |
| 29  | Trần Thị Thanh Thảo    | 2,410                  | 2,410       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 2.872.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.298.176         |                                    |         |
| 30  | Đào Vũ Uyên Duy        | 3,340                  | 3,340       |            |          | 0,6 | 23                            | 64.783                      | 2.985.960                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.388.768         |                                    |         |
| 31  | Hoàng Thị Bạch Ly      | 3,660                  | 3,660       |            |          | 0,6 | 23                            | 64.783                      | 3.272.040                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.617.632         |                                    |         |
| 32  | Nguyễn Thị Mỹ Hiền     | 3,330                  | 3,330       |            |          | 0,6 | 23                            | 64.783                      | 2.977.020                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.381.616         |                                    |         |
| 33  | Nguyễn Song Hà Ny      | 1,860                  | 1,860       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 2.217.120                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.773.696         |                                    |         |
| 34  | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 1,860                  | 1,860       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 2.217.120                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.773.696         |                                    |         |
| 35  | Nguyễn Thị Minh Thư    | 1,860                  | 1,860       |            |          | 0,8 | 23                            | 64.783                      | 2.217.120                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.773.696         |                                    |         |
|     |                        |                        |             |            |          |     |                               |                             |                           |                                |                  |                   |                                    |         |
|     | TỔNG CỘNG              |                        |             |            |          |     |                               |                             | 111.146.332               | 0                              |                  | 94.348.021        |                                    |         |

Số tiền bằng chữ: Chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn không trăm hai mươi mốt đồng.

KẾ TOÁN



Ngày 23 tháng 6 năm 2020

TRƯỞNG



Lâm Thị Mộng Trinh

UBND QUẬN TÂN BÌNH  
TÊN ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON 9

DANH SÁCH LÃNH TIỀN TẮNG THU NHẬP  
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND Tháng 2/2020

Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng

| STT | Họ và tên              | SỐ TIỀN                       |             |            |            |                  | Hệ số điều chỉnh TN tăng thêm | Số ngày đi làm Tháng 2/2020 | Số tiền 1 ngày T2 20 ngày | Tổng số tiền lãnh Tháng 2/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ |            | Số tiền tăng thu nhập tháng 1/2020 | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------------------|-------------|------------|------------|------------------|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------|------------|------------------------------------|---------|
|     |                        | Hệ số lương của CBCCV/C hưởng |             |            | Thành tích | Tỷ lệ hưởng TN/T |                               |                             |                           |                                |                  |            |                                    |         |
|     |                        | Tổng hệ số lương              | Hệ số lương | PC chức vụ |            |                  |                               |                             |                           |                                | PC vượt khung    |            |                                    |         |
| A   | B                      | I=2+3+4                       | 2           | 3          | 4          | 6                |                               |                             | 11                        | 12                             | 13               | 14=7x9     | 15                                 |         |
|     | Tổng cộng              | 112,048                       | 109,30      | 2,20       | 548        | 20               |                               |                             | 111.287.921               |                                |                  | 94.461.292 |                                    |         |
| 1   | Lâm Thị Mộng Trinh     | 6,028                         | 4,980       | 0,50       | 0,548      | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 5.388.853                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 5.388.853  |                                    |         |
| 2   | Nguyễn Thị Sánh        | 5,000                         | 4,650       | 0,35       |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 4.470.000                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 4.470.000  |                                    |         |
| 3   | Nguyễn Thị Giang Thanh | 3,680                         | 3,330       | 0,35       |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 3.289.920                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.631.936  |                                    |         |
| 4   | Phạm Thị Hồng Vân      | 4,650                         | 4,650       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 4.157.100                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 3.325.680  |                                    |         |
| 5   | Hoàng Thị Thanh Bút    | 4,190                         | 3,990       | 0,20       |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 3.745.860                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.996.688  |                                    |         |
| 6   | Ngô Hoàng Uyên Mi      | 3,660                         | 3,660       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 3.272.040                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 3.272.040  |                                    |         |
| 7   | Dương Thị Ngọc         | 3,530                         | 3,330       | 0,20       |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 3.155.820                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.524.656  |                                    |         |
| 8   | Trần Thị Lệ Xuân       | 3,200                         | 3,000       | 0,20       |            | 0,8              | 20                            | 74.500                      | 3.814.400                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 3.814.400  |                                    |         |
| 9   | Nguyễn Thị Ngọc Thu    | 3,000                         | 3,000       |            |            | 0,8              | 20                            | 74.500                      | 3.576.000                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 3.576.000  |                                    |         |
| 10  | Giang Thị Ngọc Thanh   | 3,000                         | 3,000       |            |            | 0,8              | 20                            | 74.500                      | 3.576.000                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.860.800  |                                    |         |
| 11  | Đoàn Hoài Nam          | 2,670                         | 2,670       |            |            | 0,8              | 20                            | 74.500                      | 3.182.640                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.546.112  |                                    |         |
| 12  | Lê Thụy Anh Đào        | 3,340                         | 3,340       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.985.960                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.388.768  |                                    |         |
| 13  | Đàm Thị Ngọc Loan      | 3,340                         | 3,340       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.985.960                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.388.768  |                                    |         |
| 14  | Phan Thị Kim Loan      | 3,340                         | 3,340       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.985.960                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.388.768  |                                    |         |
| 15  | Đào Khánh Phụng        | 3,340                         | 3,340       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.985.960                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.388.768  |                                    |         |
| 16  | Phạm Thị Nguyên Thùy   | 3,030                         | 3,030       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.708.820                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.167.056  |                                    |         |
| 17  | Nguyễn Thị Châu Thanh  | 3,230                         | 3,030       | 0,20       |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.887.620                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 2.887.620  |                                    |         |
| 18  | Nguyễn Thị Thu Thủy    | 3,030                         | 3,030       |            |            | 0,6              | 20                            | 74.500                      | 2.708.820                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.167.056  |                                    |         |

| STT | Họ và tên              | SỐ TIỀN                      |             |            |            | Hệ số điều chỉnh TN tăng thêm | Số ngày đi làm Tháng 2/2020 | Số tiền 1 ngày T2 20 ngày | Tổng số tiền lãnh Tháng 2/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ |               | Số tiền tăng thu nhập tháng 1/2020 | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------------|-------------|------------|------------|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------|---------------|------------------------------------|---------|
|     |                        | Hệ số lương của CBCCVC hưởng |             |            | Thành tích |                               |                             |                           |                                | Tỷ lệ hưởng TNTT |               |                                    |         |
|     |                        | Trong đó                     |             |            |            |                               |                             |                           |                                |                  |               |                                    |         |
|     |                        | Tổng hệ số lương             | Hệ số lương | PC chức vụ |            |                               |                             |                           |                                |                  | PC vượt khung |                                    |         |
| 19  | Trần Thị Kiều          | 3,030                        | 3,030       |            | 0,6        | 20                            | 74.500                      | 2.708.820                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.167.056     |                                    |         |
| 20  | Nguyễn Xuân Thanh Thảo | 2,720                        | 2,720       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 3.242.240                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.593.792     |                                    |         |
| 21  | Nguyễn Thị Hộ          | 2,720                        | 2,720       |            | 0,8        | 19                            | 74.500                      | 3.080.128                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.464.102     |                                    |         |
| 22  | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 3,260                        | 3,260       |            | 0,6        | 20                            | 74.500                      | 2.914.440                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.331.552     |                                    |         |
| 23  | Lê Thị Thu Dung        | 2,660                        | 2,660       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 3.170.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.536.576     |                                    |         |
| 24  | Sử Thị Ngọc Châu       | 2,660                        | 2,660       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 3.170.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.536.576     |                                    |         |
| 25  | Phạm Kim Hiền          | 2,410                        | 2,410       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.872.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.298.176     | nâng ngạch từ T2                   |         |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | 4,190                        | 3,990       | 0,20       | 0,6        | 20                            | 74.500                      | 3.745.860                 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 3.745.860     |                                    |         |
| 27  | Trần Thị Hà            | 2,410                        | 2,410       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.872.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.298.176     |                                    |         |
| 28  | Võ Thị Mỹ Linh         | 2,410                        | 2,410       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.872.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.298.176     |                                    |         |
| 29  | Trần Thị Thanh Thảo    | 2,410                        | 2,410       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.872.720                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.298.176     |                                    |         |
| 30  | Đào Vũ Uyên Duy        | 3,340                        | 3,340       |            | 0,6        | 20                            | 74.500                      | 2.985.960                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.388.768     |                                    |         |
| 31  | Hoàng Thị Bạch Ly      | 3,660                        | 3,660       |            | 0,6        | 20                            | 74.500                      | 3.272.040                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.617.632     |                                    |         |
| 32  | Nguyễn Thị Mỹ Hiền     | 3,330                        | 3,330       |            | 0,6        | 20                            | 74.500                      | 2.977.020                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 2.381.616     |                                    |         |
| 33  | Nguyễn Song Hà Ny      | 1,860                        | 1,860       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.217.120                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.773.696     |                                    |         |
| 34  | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 1,860                        | 1,860       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.217.120                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.773.696     |                                    |         |
| 35  | Nguyễn Thị Minh Thư    | 1,860                        | 1,860       |            | 0,8        | 20                            | 74.500                      | 2.217.120                 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.773.696     |                                    |         |
|     |                        |                              |             |            |            |                               |                             |                           |                                |                  |               |                                    |         |
|     | TỔNG CỘNG              |                              |             |            |            |                               |                             | 111.287.921               |                                | 0                |               | 94.461.292                         |         |

Số tiền bằng chữ: Chín mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi hai đồng.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020

KẾ TOÁN

TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN QUẬN MÃM NON



Lâm Thị Mộng Trinh

DANH SÁCH LÃNH TIỀN TĂNG THU NHẬP

THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND Tháng 3/2020

Mức lương cơ sở: 1.490.000 đồng

| STT | Họ và tên              | SỐ TIỀN                       |             |            |               |                   | Số ngày đi làm Tháng 3/2020 | Số tiền 1 ngày T3 22 ngày | Tổng số tiền lãnh Tháng 3/2020 | Thành tích                   | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ |                 | Số tiền tăng thu nhập tháng 3/2020 | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------------------|-------------|------------|---------------|-------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------|-----------------|------------------------------------|---------|
|     |                        | Hệ số lương của CBCCVVC hưởng |             |            |               | Tỷ lệ hưởng TN/TT |                             |                           |                                |                              |                  |                 |                                    |         |
|     |                        | Tổng hệ số lương              | Hệ số lương | PC chức vụ | PC vượt khung |                   |                             |                           |                                |                              |                  |                 |                                    |         |
| A   | B                      | $I=2+3+4$                     | 2           | 3          | 4             | 6                 | 8                           | 9                         | 11                             | 12                           | 13               | $14=7 \times 9$ | 15                                 |         |
|     | Tổng cộng              | 112,808                       | 110,060     | 2,20       | 548           |                   | 22                          |                           | 69.976.425                     |                              |                  | 60.097.183      |                                    |         |
| 1   | Lâm Thị Mộng Trinh     | 6,028                         | 4,980       | 0,50       | 0,548         | 0,6               | 22                          | 67.727                    | 5.388.853                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 5.388.853       |                                    |         |
| 2   | Nguyễn Thị Sánh        | 5,000                         | 4,650       | 0,35       |               | 0,6               | 18                          | 67.727                    | 3.657.273                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 3.657.273       |                                    |         |
| 3   | Nguyễn Thị Giang Thanh | 3,680                         | 3,330       | 0,35       |               | 0,6               | 20                          | 67.727                    | 2.990.836                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 2.392.669       |                                    |         |
| 4   | Phạm Thị Hồng Vân      | 4,650                         | 4,650       |            |               | 0,6               | 12                          | 67.727                    | 2.267.509                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.814.007       |                                    |         |
| 5   | Hoàng Thị Thanh Bút    | 4,190                         | 3,990       | 0,20       |               | 0,6               | 14                          | 67.727                    | 2.383.729                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.906.983       |                                    |         |
| 6   | Ngô Hoàng Uyên Mi      | 3,660                         | 3,660       |            |               | 0,6               | 13                          | 67.727                    | 1.933.478                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 1.933.478       |                                    |         |
| 7   | Dương Thị Ngọc         | 3,530                         | 3,330       | 0,20       |               | 0,6               | 14                          | 67.727                    | 2.008.249                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.606.599       |                                    |         |
| 8   | Trần Thị Lệ Xuân       | 3,200                         | 3,000       | 0,20       |               | 0,8               | 13                          | 67.727                    | 2.253.964                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 2.253.964       |                                    |         |
| 9   | Nguyễn Thị Ngọc Thu    | 3,330                         | 3,330       |            |               | 0,6               | 14                          | 67.727                    | 1.894.467                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 1.894.467       | nâng lương từ T3                   |         |
| 10  | Giang Thị Ngọc Thanh   | 3,000                         | 3,000       |            |               | 0,8               | 9                           | 67.727                    | 1.462.909                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.170.327       |                                    |         |
| 11  | Đoàn Hoài Nam          | 2,670                         | 2,670       |            |               | 0,8               | 12                          | 67.727                    | 1.735.985                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.388.788       |                                    |         |
| 12  | Lê Thụy Anh Đào        | 3,340                         | 3,340       |            |               | 0,6               | 13                          | 67.727                    | 1.764.431                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.411.545       |                                    |         |
| 13  | Đàm Thị Ngọc Loan      | 3,340                         | 3,340       |            |               | 0,6               | 11                          | 67.727                    | 1.492.980                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.194.384       |                                    |         |
| 14  | Phan Thị Kim Loan      | 3,340                         | 3,340       |            |               | 0,6               | 13                          | 67.727                    | 1.764.431                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.411.545       |                                    |         |
| 15  | Đào Khánh Phụng        | 3,340                         | 3,340       |            |               | 0,6               | 12                          | 67.727                    | 1.628.705                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.302.964       |                                    |         |
| 16  | Phạm Thị Nguyên Thủy   | 3,030                         | 3,030       |            |               | 0,6               | 12                          | 67.727                    | 1.477.538                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.182.031       |                                    |         |
| 17  | Nguyễn Thị Châu Thanh  | 3,230                         | 3,030       | 0,20       |               | 0,6               | 13                          | 67.727                    | 1.706.321                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 100%             | 1.706.321       |                                    |         |
| 18  | Nguyễn Thị Thu Thủy    | 3,030                         | 3,030       |            |               | 0,6               | 13                          | 67.727                    | 1.600.666                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 80%              | 1.280.533       |                                    |         |

| STT | Họ và tên              | SỐ TIỀN                     |             |            |            |                  | Hệ số điều chỉnh TN tăng thêm | Số ngày đi làm Tháng 3/2020 | Số tiền 1 ngày T3 ngày 22 ngày | Tổng số tiền lãnh Tháng 3/2020 | KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ |            | Số tiền tăng thu nhập tháng 3/2020 | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------|-------------|------------|------------|------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------|------------|------------------------------------|---------|
|     |                        | Hệ số lương của CBCCV hưởng |             |            | Thành tích | Tỷ lệ hưởng TNNT |                               |                             |                                |                                |                  |            |                                    |         |
|     |                        | Tổng hệ số lương            | Trong đó    |            |            |                  |                               |                             |                                |                                |                  |            |                                    |         |
|     |                        |                             | Hệ số lương | PC chức vụ |            |                  |                               |                             |                                |                                | PC vượt khung    |            |                                    |         |
| 19  | Trần Thị Kiều          | 3,030                       | 3,030       |            |            | 0,6              | 13                            | 67.727                      | 1.600.666                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.280.533  |                                    |         |
| 20  | Nguyễn Xuân Thanh Thảo | 2,720                       | 2,720       |            |            | 0,8              | 12                            | 67.727                      | 1.768.495                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.414.796  |                                    |         |
| 21  | Nguyễn Thị Hộ          | 2,720                       | 2,720       |            |            | 0,8              | 13                            | 67.727                      | 1.915.869                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.532.695  |                                    |         |
| 22  | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 3,260                       | 3,260       |            |            | 0,6              | 13                            | 67.727                      | 1.722.169                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.377.735  |                                    |         |
| 23  | Lê Thị Thu Dung        | 2,720                       | 2,720       |            |            | 0,8              | 12                            | 67.727                      | 1.768.495                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.414.796  | Nâng ngạch từ T3                   |         |
| 24  | Sử Thị Ngọc Châu       | 2,720                       | 2,720       |            |            | 0,8              | 14                            | 67.727                      | 2.063.244                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.650.595  | Nâng ngạch từ T3                   |         |
| 25  | Phạm Kim Hiền          | 2,410                       | 2,410       |            |            | 0,8              | 13                            | 67.727                      | 1.697.516                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.358.013  |                                    |         |
| 26  | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | 4,190                       | 3,990       | 0,20       |            | 0,6              | 22                            | 67.727                      | 3.745.860                      | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ   | 100%             | 3.745.860  |                                    |         |
| 27  | Trần Thị Hà            | 2,410                       | 2,410       |            |            | 0,8              | 12                            | 67.727                      | 1.566.938                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.253.551  |                                    |         |
| 28  | Võ Thị Mỹ Linh         | 2,410                       | 2,410       |            |            | 0,8              | 13                            | 67.727                      | 1.697.516                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.358.013  |                                    |         |
| 29  | Trần Thị Thanh Thảo    | 2,410                       | 2,410       |            |            | 0,8              | 12                            | 67.727                      | 1.566.938                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.253.551  |                                    |         |
| 30  | Đào Vũ Uyên Duyệt      | 3,650                       | 3,650       |            |            | 0,6              | 13                            | 67.727                      | 1.928.195                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.542.556  | nâng lương từ T3                   |         |
| 31  | Hoàng Thị Bạch Ly      | 3,660                       | 3,660       |            |            | 0,6              | 13                            | 67.727                      | 1.933.478                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.546.783  |                                    |         |
| 32  | Nguyễn Thị Mỹ Hiền     | 3,330                       | 3,330       |            |            | 0,6              | 13                            | 67.727                      | 1.759.148                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.407.319  |                                    |         |
| 33  | Nguyễn Song Hà Ny      | 1,860                       | 1,860       |            |            | 0,8              | 13                            | 67.727                      | 1.310.116                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.048.093  |                                    |         |
| 34  | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 1,860                       | 1,860       |            |            | 0,8              | 13                            | 67.727                      | 1.310.116                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 1.048.093  |                                    |         |
| 35  | Nguyễn Thị Minh Thư    | 1,860                       | 1,860       |            |            | 0,8              | 12                            | 67.727                      | 1.209.338                      | Hoàn thành tốt nhiệm vụ        | 80%              | 967.471    |                                    |         |
|     | TỔNG CỘNG              |                             |             |            |            |                  |                               |                             | 69.976.425                     |                                | 0                | 60.097.183 |                                    |         |

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm tám mươi ba đồng.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Tâm

Lâm Thị Mộng Trinh

Số: 363 /TB-UBND

Tân Bình, ngày 19 tháng 6 năm 2020

## THÔNG BÁO

**Kết quả đánh giá, phân loại quý I năm 2020 theo hiệu quả công việc đối với công chức, viên chức các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở quận Tân Bình**

Căn cứ Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Công văn số 4634/UBND-VX ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, phân loại hàng quý (sửa đổi) đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Hướng dẫn số 10/HD-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về việc đánh giá, phân loại hàng quý (sửa đổi) đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn quận Tân Bình theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố,

Ủy ban nhân dân quận thông báo kết quả tổng hợp đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với công chức, viên chức các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở quý I năm 2020 (đính kèm danh sách). Qua kết quả tổng hợp đánh giá, phân loại trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo thực hiện như sau:

### **1. Giao Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở:**

Chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện đánh giá, phân loại đối với công chức, viên chức hàng quý theo quy định tại Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố tại đơn vị mình và giải quyết các kiến nghị, khiếu nại (nếu có). Sau khi nhận được thông báo này, trong 03 ngày làm việc Hiệu trưởng các trường ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của đơn vị gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ.

Việc đánh giá, phân loại theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, Thủ trưởng các đơn vị phải thực hiện đúng thực chất, không cao bằng.

## **2. Giao Phòng Nội vụ:**

Chịu trách nhiệm hướng dẫn các trường ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại và tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại quý I năm 2020 của các đơn vị nhằm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận báo cáo Sở Nội vụ theo quy định.

## **3. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch:**

Chịu trách nhiệm hướng dẫn các trường thực hiện chi thu nhập tăng thêm quý I năm 2020 trên cơ sở các Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại mà các trường ban hành.

## **5. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo:**

Chịu trách nhiệm quán triệt nội dung Công văn số 1879/UBND-VX ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Công văn số 948/UBND-NV ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cho Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trong việc thực hiện tổng hợp ngày giờ công làm việc của công chức, viên chức ngành Giáo dục trong thời gian học sinh nghỉ học để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

Đồng thời, chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp, thẩm định và chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn nghiệp vụ chuyên môn của ngành về ngày giờ công làm việc của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở quý I năm 2020 theo quy định tại Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công văn số 1879/UBND-VX ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Công văn số 948/UBND-NV ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Tổng hợp các Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại và tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại quý I năm 2020 của các trường gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ theo quy định.

Ủy ban nhân dân quận không giải quyết đối với những trường hợp không thuộc đối tượng được quy định tại Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Nếu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chi thu nhập tăng thêm cho các trường hợp nêu trên phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thông báo đến công chức, viên chức được biết kết quả đánh giá, phân loại và thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- TT.UB: CT, các PCT;
- P.GDĐT, P.TCKH;
- P.NV;
- Các trường MN, TH, THCS;
- VP.HĐND&UBND: CVP, PCVP;
- Lưu: VT.



**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI THEO HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC  
CỦA CÁC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TẠI TRƯỜNG MẦM NON 9 - QUÝ I/2020**



Thông báo số 363 /TB-UBND ngày 19 tháng 06 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

| STT | Họ và tên              | Chức vụ/Chức danh | Kết quả đánh giá của Thủ trưởng đơn vị |                              | Số ngày làm việc thực tế của Quý I/2020 |         |         | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------|----------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------|---------|---------|---------|
|     |                        |                   | Số điểm                                | Mức độ hoàn thành nhiệm vụ   | Tháng 1                                 | Tháng 2 | Tháng 3 |         |
| 1   | Lâm Thị Mộng Trinh     | Hiệu trưởng       | 93                                     | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 22      |         |
| 2   | Nguyễn Thị Sánh        | Phó hiệu trưởng   | 96                                     | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 18      |         |
| 3   | Nguyễn Thị Giang Thanh | Phó hiệu trưởng   | 89                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 20      |         |
| 4   | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | TT VP/ KT         | 98                                     | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 22      |         |
| 5   | Dương Thị Ngọc         | TT Nhà trẻ/GV     | 88                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 14      |         |
| 6   | Trần Thị Lệ Xuân       | TT Mầm/GV         | 95                                     | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 13      |         |
| 7   | Nguyễn Thị Châu Thanh  | TT Chồi/GV        | 98,5                                   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 13      |         |
| 8   | Hoàng Thị Thanh Bút    | TT Lá/GV          | 88                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 14      |         |
| 9   | Đào Vũ Uyên Duy        | Giáo viên         | 86,5                                   | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 13      |         |
| 10  | Trần Thị Thanh Thảo    | Giáo viên         | 80,5                                   | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 12      |         |
| 11  | Phạm Thị Hồng Vân      | Giáo viên         | 88                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 12      |         |
| 12  | Lê Thụy Anh Đào        | Giáo viên         | 79                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 13      |         |
| 13  | Ngô Hoàng Uyên Mi      | Giáo viên         | 97,5                                   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 13      |         |
| 14  | Phạm Thị Nguyên Thùy   | Giáo viên         | 88,5                                   | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 12      |         |
| 15  | Nguyễn Thị Ngọc Thu    | Giáo viên         | 97,5                                   | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | 23                                      | 20      | 14      |         |
| 16  | Hoàng Thị Bạch Ly      | Giáo viên         | 87                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 13      |         |
| 17  | Nguyễn Thị Hộ          | Giáo viên         | 87                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 19      | 13      |         |
| 18  | Đào Khánh Phụng        | Giáo viên         | 87                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 12      |         |
| 19  | Trần Thị Kiều          | Giáo viên         | 76                                     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ      | 23                                      | 20      | 13      |         |

[illegible]

Số: 20 /QĐ-MN9

Tân Bình, ngày 22 tháng 6 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với công chức, viên chức của Trường Mầm non 9  
Quý I năm 2020**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 9**

*Căn cứ Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố;*

*Căn cứ Công văn số 4634/UBND-VX ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, phân loại hàng quý (sửa đổi) đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 10/HD-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về việc đánh giá, phân loại hàng quý (sửa đổi) đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn quận Tân Bình theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố;*

*Căn cứ thông báo số 363/TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về kết quả đánh giá, phân loại quý I năm 2020 theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn quận Tân Bình,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công nhận kết quả đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với công chức, viên chức Trường Mầm non 9 Quý I năm 2020 gồm 35 người (danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

6

**Điều 3.** Ban giám hiệu, Hội đồng thi đưa khen thưởng và các công chức, viên chức có tên trong danh sách đính kèm tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này/.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT UBND/Q (CT);
- PNV;
- P.TCKH;
- P.GDĐT;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

**Lâm Thị Mộng Trinh**

UBND QUẬN TÂN BÌNH  
TRƯỜNG MẦM NON 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI THEO HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC  
ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TẠI TRƯỜNG MẦM NON 9 - QUÝ I/2020**

(Ban hành kèm Quyết định số 20/MN9 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Trường Mầm non 9)

| S<br>TT | Họ và tên              | Chức vụ/<br>Chức danh | Kết quả đánh giá của<br>Thủ trưởng đơn vị |                                  | Số ngày làm việc thực<br>tế của Quý I/2020 |             |             | Ghi chú |
|---------|------------------------|-----------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------|-------------|-------------|---------|
|         |                        |                       | Số<br>điểm                                | Mức độ hoàn<br>thành nhiệm<br>vụ | Tháng<br>01                                | Tháng<br>02 | Tháng<br>03 |         |
| (1)     | (2)                    | (3)                   | (4)                                       | (5)                              | (6)                                        | (7)         | (8)         | (9)     |
| 1       | Lâm Thị Mộng Trinh     | Hiệu trưởng           |                                           |                                  | 23                                         | 20          | 22          | /       |
| 2       | Nguyễn Thị Sánh        | P.Hiệu trưởng         | 96                                        | HTXS NV                          | 23                                         | 20          | 18          | /       |
| 3       | Nguyễn Thị Giang Thanh | P.Hiệu trưởng         | 89                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 20          |         |
| 4       | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | TT VP/ KT             | 98                                        | HTXS NV                          | 23                                         | 20          | 22          |         |
| 5       | Dương Thị Ngọc         | TT Nhà trẻ/GV         | 88                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 14          |         |
| 6       | Trần Thị Lệ Xuân       | TT Mầm/GV             | 95                                        | HTXS NV                          | 23                                         | 20          | 13          | /       |
| 7       | Nguyễn Thị Châu Thanh  | TT Chồi/GV            | 98,5                                      | HTXS NV                          | 23                                         | 20          | 13          | /       |
| 8       | Hoàng Thị Thanh Bút    | TT Lá/GV              | 88                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 14          |         |
| 9       | Đào Vũ Uyên Duy        | Giáo viên             | 86,5                                      | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 13          |         |
| 10      | Trần Thị Thanh Thảo    | Giáo viên             | 80,5                                      | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 12          |         |
| 11      | Phạm Thị Hồng Vân      | Giáo viên             | 88                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 12          |         |
| 12      | Lê Thụy Anh Đào        | Giáo viên             | 79                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 13          |         |
| 13      | Ngô Hoàng Uyên Mi      | Giáo viên             | 97,5                                      | HTXS NV                          | 23                                         | 20          | 13          | /       |
| 14      | Phạm Thị Nguyên Thùy   | Giáo viên             | 88,5                                      | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 12          |         |
| 15      | Nguyễn Thị Ngọc Thu    | Giáo viên             | 97,5                                      | HTXS NV                          | 23                                         | 20          | 14          | /       |
| 16      | Hoàng Thị Bạch Ly      | Giáo viên             | 87                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 13          |         |
| 17      | Nguyễn Thị Hộ          | Giáo viên             | 87                                        | HTTNV                            | 23                                         | 19          | 13          |         |
| 18      | Đào Khánh Phụng        | Giáo viên             | 87                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 12          |         |
| 19      | Trần Thị Kiều          | Giáo viên             | 76                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 13          |         |
| 20      | Võ Thị Mỹ Linh         | Giáo viên             | 89                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 13          |         |
| 21      | Đàm Thị Ngọc Loan      | Giáo viên             | 80,5                                      | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 11          |         |
| 22      | Nguyễn Xuân Thanh Thảo | Giáo viên             | 80                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 12          |         |
| 23      | Lê Thị Thu Dung        | Giáo viên             | 76                                        | HTTNV                            | 23                                         | 20          | 12          |         |

|    |                       |           |      |       |    |    |    |
|----|-----------------------|-----------|------|-------|----|----|----|
| 24 | Sử Thị Ngọc Châu      | Giáo viên | 80   | HTTNV | 23 | 20 | 14 |
| 25 | Nguyễn Thị Mỹ Hiền    | Giáo viên | 79   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 26 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | Giáo viên | 88   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 27 | Phạm Kim Hiền         | Giáo viên | 88   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 28 | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | Giáo viên | 78   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 29 | Nguyễn Song Hà Ny     | Giáo viên | 78   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 30 | Nguyễn Thị Minh Thư   | Giáo viên | 78   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 31 | Phan Thị Kim Loan     | Giáo viên | 80   | HTTNV | 23 | 20 | 12 |
| 32 | Giang Thị Ngọc Thanh  | Giáo viên | 80   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 33 | Trần Thị Hà           | Giáo viên | 76   | HTTNV | 23 | 20 | 9  |
| 34 | Nguyễn Thị Thùy Trang | Giáo viên | 86,5 | HTTNV | 22 | 20 | 12 |
| 35 | Đoàn Hoài Nam         | Giáo viên | 75   | HTTNV | 23 | 20 | 13 |
| 36 | Trần Thị Bích Trâm    | Giáo viên | 76   | HTTNV | 23 | 20 | 12 |

*Nghỉ bù do hộ sản vào tháng hè (tháng 6) đến hết tháng 01/2020, tháng 02+3/21  
xin nghỉ không hưởng lương*